

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **18/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-6-2019

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2019/TLST-HN&GD ngày 25/3/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2019, **Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HN ngày 06/6/2019**, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Th - SN: 1984; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trịnh Xuân C - SN: 1984; (vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 4, thôn 9, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn **chị Kiều Thị Th** trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: **Chị Th** và **anh C** tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã **LH** ngày 03/9/2004, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là là Cháu Trịnh Thị Thu Th, sinh ngày 28/6/2004; cháu Trịnh Xuân H, sinh ngày 13/01/2006; cháu Trịnh Thị Vân A, sinh ngày 06/5/2012.

Tuy nhiên trong thời gian từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh

C không quan tâm lo lắng cho gia đình, con cái. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị được ly hôn với anh C

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn **anh Trịnh Xuân C** trình bày: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trịnh Xuân C đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chị Th được ly hôn với anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Kiều Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Xuân C cùng trú tại thôn 9, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trịnh Xuân C.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kiều Thị Th thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã LH** ngày 03/9/2004. Như vậy hôn nhân giữa chị Th và anh C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

- Về mâu thuẫn gia đình:

Chị Th cho rằng trong đời sống hôn nhân chúng tôi không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm lo lắng cho gia đình, con cái. Chị Th cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị được ly hôn với anh C.

Mặc dù, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trịnh Xuân C không có ý kiến trình bày về tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Th, kết quả xác minh tại địa phương có cơ sở xác định, đời sống hôn nhân của chị Th, anh C có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn là trầm trọng, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, không còn thương yêu lẫn nhau, cả chị Th, anh C đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị Th, anh C hiện sống ly thân với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kiều Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Th được ly hôn với anh Trịnh Xuân C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Kiều Thị Th và anh Trịnh Xuân C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Kiều Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026951, quyển số 0540 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Riềng;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện PR;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

